|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều**

**và biện pháp thi hành Luật Thanh tra**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày tháng năm 2022;*

*Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Thanh tra, bao gồm:

c) Điều 37 về Thanh tra viên; việc bổ nhiệm vào các ngạch Thanh tra viên và điều kiện đảm bảo hoạt động đối với Thanh tra viên;

đ) Khoản 3 Điều 53về điều kiện, tiêu chuẩn và các trường hợp thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra;

e) Điều 77 về về trưng cầu giám định trong hoạt động thanh tra;

g) Điều 83 về trình tự, thủ tục thu hồi tài sản trong hoạt động thanh tra;

2. Các biện pháp tổ chức thi hành Luật Thanh tra, bao gồm:

a) Thanh tra lại vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

b) Xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý sau thanh tra.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; các cơ quan thanh tra, Thủ trưởng các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, Thanh tra viên; đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra.

**Chương II**

**THANH TRA VIÊN**

**Mục 1**

**TIÊU CHUẨN CÁC NGẠCH THANH TRA**

**Điều 3. Thanh tra viên**

1. Thanh tra viên là công chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước.

2. Thanh tra viên gồm các ngạch sau đây:

a) Thanh tra viên;

b) Thanh tra viên chính;

c) Thanh tra viên cao cấp.

**Điều 4. Tiêu chuẩn ngạch thanh tra viên**

1. Chức trách:

Thanh tra viên là công chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan thanh tra nhà nước, thực hiện quyết định thanh tra và các nhiệm vụ khác của cơ quan thanh tra nhà nước. Thanh tra viên được giao chủ trì thanh tra các vụ việc có quy mô và tính chất phức tạp trung bình; khi tiến hành thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp về nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng được giao;

b) Trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành thu thập chứng cứ, hồ sơ có liên quan đến vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng được giao;

c) Lập biên bản, viết báo cáo kết quả thanh tra, làm rõ từng nội dung đã thanh tra, xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị biện pháp giải quyết;

d) Tổ chức rút kinh nghiệm việc thực hiện các cuộc thanh tra được giao;

đ) Trong quá trình thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều … của Luật Thanh tra;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước giao.

3. Năng lực:

a) Am hiểu chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để vận dụng vào hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng;

b) Nắm được nguyên tắc, chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội;

c) Am hiểu tình hình kinh tế - xã hội;

d) Nắm được quy trình nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao;

đ) Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động quản lý ở cấp cơ sở.

4. Yêu cầu trình độ, thâm niên công tác:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

b) Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên;

c) Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên;

d) Có thời gian ít nhất 02 năm làm công tác thanh tra (không kể thời gian tập sự, thử việc).

Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chuyển sang cơ quan thanh tra nhà nước thì phải có thời gian ít nhất 05 năm giữ ngạch công chức, viên chức, cấp hàm tương đương ngạch thanh tra viên.

**Điều 5. Tiêu chuẩn ngạch thanh tra viên chính**

1. Chức trách:

Thanh tra viên chính là công chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan thanh tra nhà nước, thực hiện quyết định thanh tra và các nhiệm vụ khác của cơ quan thanh tra nhà nước. Thanh tra viên chính được giao chủ trì hoặc tham gia thanh tra các vụ việc có quy mô rộng, tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực; khi tiến hành thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp về nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng được giao;

b) Trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành thu thập chứng cứ, hồ sơ có liên quan đến vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng được giao;

c) Xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra, làm rõ từng nội dung đã thanh tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị biện pháp giải quyết để chấn chỉnh hoạt động quản lý trong phạm vi ngành hoặc địa phương;

d) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện các cuộc thanh tra được giao;

đ) Tham gia xây dựng các quy trình nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng; trực tiếp hoặc tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho thanh tra viên;

e) Trong quá trình thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều …của Luật Thanh tra;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước giao.

3. Năng lực:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước và quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, đề xuất và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cuộc thanh tra được giao;

b) Nắm vững nguyên tắc, chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước trong quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội;

c) Am hiểu sâu tình hình kinh tế - xã hội;

d) Có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành theo lĩnh vực được phân công; có khả năng đảm nhận trách nhiệm là trưởng đoàn, phó trưởng đoàn thanh tra; tổ chức điều hành hướng dẫn thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao;

đ) Có năng lực phân tích, đánh giá những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực, địa phương.

4. Yêu cầu trình độ, thâm niên công tác:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

b) Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên chính;

c) Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính;

d) Có thời gian công tác ở ngạch thanh tra viên và tương đương tối thiểu là 09 năm, trừ trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và đang giữ ngạch công chức, viên chức, cấp hàm tương đương ngạch thanh tra viên chính chuyển sang cơ quan thanh tra nhà nước.

**Điều 6. Tiêu chuẩn ngạch thanh tra viên cao cấp**

1. Chức trách:

Thanh tra viên cao cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan Thanh tra Chính phủ, Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thực hiện quyết định thanh tra và các nhiệm vụ khác của cơ quan thanh tra nhà nước. Thanh tra viên cao cấp được giao trực tiếp chủ trì thanh tra các vụ việc có quy mô lớn, tình tiết rất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực; khi tiến hành thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp về nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng được giao;

b) Trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan tiến hành thu thập chứng cứ, hồ sơ có liên quan đến vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng được giao;

c) Xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra, làm rõ từng nội dung đã thanh tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị biện pháp giải quyết để chấn chỉnh hoạt động quản lý đối với các ngành, lĩnh vực hoặc các địa phương;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổng kết, đánh giá các cuộc thanh tra có quy mô lớn, phức tạp, cuộc thanh tra diện rộng được giao;

đ) Chủ trì, tham gia xây dựng các quy trình nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho thanh tra viên, thanh tra viên chính;

e) Trong quá trình thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều …của Luật Thanh tra;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước giao.

3. Năng lực:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng thời kỳ, từng ngành, từng lĩnh vực;

b) Am hiểu sâu tình hình kinh tế - xã hội trong nước và trên thế giới; nắm vững các nguyên tắc, chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội;

c) Có kiến thức sâu, rộng về chuyên môn nhiều ngành, lĩnh vực; có khả năng đảm nhận trách nhiệm trưởng đoàn, phó trưởng đoàn thanh tra các vụ việc có quy mô lớn, tình tiết rất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực; có khả năng tổ chức, điều hành thanh tra viên chính thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao;

d) Chủ trì việc tổng kết, nghiên cứu lý luận về công tác thanh tra; tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

đ) Tham gia xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ để đào tạo, bồi dưỡng cho thanh tra viên, thanh tra viên chính, cán bộ quản lý của các tổ chức thanh tra;

e) Có năng lực phân tích, khái quát, tổng hợp những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

4. Yêu cầu trình độ, thâm niên công tác:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

b) Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên cao cấp;

c) Có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp;

d) Có trình độ cao cấp lý luận chính trị;

đ) Có thời gian công tác ở ngạch thanh tra viên chính và tương đương tối thiểu là 06 năm, trừ trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và đang giữ ngạch công chức, viên chức, cấp hàm tương đương ngạch thanh tra viên cao cấp chuyển sang cơ quan thanh tra nhà nước.

**Điều 7. Tiêu chuẩn các ngạch thanh tra trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân**

1. Tiêu chuẩn các ngạch thanh tra trong Quân đội nhân dân do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Tiêu chuẩn các ngạch thanh tra trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Mục 2**

**BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THANH TRA VIÊN**

**Điều 8. Việc bổ nhiệm các ngạch thanh tra**

1. Việc bổ nhiệm các ngạch thanh tra phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Người được bổ nhiệm có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch thanh tra quy định tại Điều…của Luật Thanh tra và các tiêu chuẩn quy định tại các điều … của Nghị định này.

b) Việc bổ nhiệm phải đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định và phù hợp với nhu cầu vị trí công tác.

2. Công chức được xem xét, bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra trong các trường hợp sau:

a) Công chức giữ các ngạch chuyên viên và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, chuyên viên cao cấp và tương đương đang công tác trong các cơ quan thanh tra nhà nước có đủ điều kiện, tiêu chuẩn chuyển sang các ngạnh thanh tra tương ứng;

b) Công chức trúng tuyển kỳ thi ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính hoặc kỳ thi nâng ngạch thanh tra viên chính lên thanh tra viên cao cấp.

3. Sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác ở các cơ quan Thanh tra Quốc phòng, Thanh tra Công an có đủ điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch thanh tra theo quy định tại …của Nghị định này thì được xem xét, bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra tương ứng theo điều kiện, tiêu chuẩn và nhu cầu vị trí công tác.

**Điều 9. Thẩm quyền bổ nhiệm các ngạch thanh tra**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ nhiệm các ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ bổ nhiệm công chức vào ngạch thanh tra viên cao cấp; Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm sỹ quan Công an nhân dân, sỹ quan Quân đội nhân dân vào ngạch thanh tra viên cao cấp.

Quyết định bổ nhiệm Thanh tra viên cao cấp thuộc Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải gửi cho Thanh tra Chính phủ để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 10. Bổ nhiệm các ngạch thanh tra theo thủ tục chuyển ngạch**

1. Công chức đang công tác trong cơ quan thanh tra nhà nước, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định Điều … Luật Thanh tra và các điều 6…của Nghị định này thì được xét chuyển ngạch để bổ nhiệm vào các ngạnh thanh tra, cụ thể như sau:

a) Trường hợp là chuyên viên hoặc chức danh tương đương thì xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên;

b) Trường hợp là chuyên viên chính hoặc chức danh tương đương thì xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên chính;

c) Trường hợp là chuyên viên cao cấp hoặc chức danh tương đương thì xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp.

2. Việc xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra phải thông qua Hội đồng xét chuyển ngạch.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập Hội đồng xét chuyển ngạch vào các ngạch thanh tra đối với công chức thuộc phạm vi quản lý.

Hội đồng xét chuyển ngạch có 05 thành viên, làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết để quyết định theo đa số. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Ở Trung ương là lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ; ở địa phương là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ hoặc Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Ủy viên thường trực là Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy viên thường trực có trách nhiệm chuẩn bị các thủ tục hồ sơ, tài liệu, để báo cáo Hội đồng xét chuyển ngạch thanh tra;

d) Các ủy viên khác tùy theo yêu cầu, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cử đại diện lãnh đạo của cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ đề nghị Hội đồng xét chuyển ngạch thanh tra gồm:

a) Văn bản nhận xét quá trình công tác của công chức và đề nghị của cơ quan quản lý trực tiếp công chức;

b) Bản khai kết quả công tác thanh tra; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc được cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng công chức xác nhận;

c) Sơ yếu lý lịch theo có xác nhận của cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng công chức.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên, ngạch thanh tra viên chính gồm:

a) Hồ sơ cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Biên bản họp Hội đồng xét chuyển ngạch;

c) Văn bản của Hội đồng xét chuyển ngạch đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên, ngạch thanh tra viên chính theo thẩm quyền.

5. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp gồm:

a) Hồ sơ cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Biên bản họp Hội đồng xét chuyển ngạch;

c) Văn bản đề nghị bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp của Hội đồng xét chuyển ngạch;

d) Công văn đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ bổ nhiệm theo thẩm quyền.

6. Thẩm quyền bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

**Điều 11. Bổ nhiệm vào ngạch thanh tra khi trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch**

1. Công chức là thanh tra viên, thanh tra viên chính đủ điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch thanh tra cao hơn, liền kề và các điều kiện dự thi nâng ngạch, được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử đi dự thi nâng ngạch, nếu trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch thì được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra cao hơn, liền kề, cụ thể như sau:

a) Trường hợp trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính thì được xem xét, bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên chính;

b) Trường hợp trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch thanh tra viên chính lên thanh tra viên cao cấp thì được xem xét, bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp.

2. Thẩm quyền bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên chính, ngạch thanh tra viên cao cấp cho Thanh tra viên, Thanh tra viên chính trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch thực hiện theo quy định tại Điều …của Nghị định này.

**Điều 12. Bổ nhiệm sỹ quan trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vào các ngạch thanh tra**

1. Sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác trong các cơ quan Thanh tra Quốc phòng, Thanh tra Công an, đủ điều kiện, tiêu chuẩn của các ngạch thanh tra theo quy định tại … của Nghị định này thì được xem xét, bổ nhiệm vào ngạch thanh tra tương ứng theo điều kiện, tiêu chuẩn và nhu cầu vị trí công tác.

2. Hội đồng xét bổ nhiệm sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân vào các ngạch thanh tra do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thành lập.

Hội đồng xét bổ nhiệm có 05 thành viên, làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết để quyết định theo đa số. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Bộ;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan phụ trách công tác cán bộ thuộc Bộ;

c) Ủy viên thường trực Hội đồng là Chánh Thanh tra bộ. Ủy viên thường trực có trách nhiệm chuẩn bị các thủ tục hồ sơ, tài liệu, để báo cáo Hội đồng xét chuyển ngạch thanh tra;

d) Các ủy viên khác tùy theo yêu cầu, Bộ trưởng quyết định cử đại diện lãnh đạo của cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Thẩm quyền bổ nhiệm và hồ sơ, thủ tục xem xét bổ nhiệm sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân vào các ngạch thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều … của Nghị định này.

**Điều 13. Miễn nhiệm đối với thanh tra viên**

1. Miễn nhiệm đối với thanh tra viên một trong các trường hợp sau:

a) Do điều động, luân chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác không phải là cơ quan thanh tra nhà nước;

b) Khi chuyển đổi vị trí việc làm và theo quy định của pháp luật cán bộ, công chức phải chuyển sang ngạch công chức, viên chức khác để phù hợp với vị trí việc làm mới;

c) Tự nguyện xin thôi không làm việc ở các cơ quan thanh tra nhà nước và đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thôi việc;

d) Có quyết định thôi việc hoặc bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc theo quy định của pháp luật;

đ) Bị tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc tước quân hàm sỹ quan Quân đội nhân dân;

e) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực pháp luật;

g) Vì lý do khác theo quy định của pháp luật.

2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm ngạch thanh tra nào thì có thẩm quyền miễn nhiệm đối với ngạch thanh tra đó.

3. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm thanh tra viên như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đề nghị bằng văn bản;

b) Cơ quan, đơn vị, bộ phận, người được giao phụ trách công tác tổ chức cán bộ, theo phân cấp quản lý cán bộ dự thảo quyết định miễn nhiệm và thu thập các tài liệu liên quan, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định miễn nhiệm;

c) Thông báo quyết định miễn nhiệm, thu hồi thẻ thanh tra và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác thanh tra.

**Mục 3**

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI THANH TRA VIÊN**

**Điều 14. Trang phục thanh tra**

1. Thanh tra viên thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước được cấp trang phục thanh tra, bao gồm: quần áo thu đông, áo măng tô, áo sơ mi dài tay, quần áo xuân hè, mũ, thắt lưng da, giầy da, dép quai hậu, bít tất, cà vạt, áo mưa, cặp tài liệu.

Đối với ngành, lĩnh vực cần có trang phục thanh tra riêng hoặc cần bổ sung thêm mũ kêpi, cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ quy định trang phục thanh tra cho thanh tra viên của cơ quan thanh tra thuộc ngành, lĩnh vực đó.

2. Trang phục của thanh tra viên là sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

3. Thanh tra viên có trách nhiệm bảo quản, sử dụng trang phục thanh tra theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ quy định cụ thể về chế độ cấp trang phục thanh tra cho thanh tra viên thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước.

5. Tổng Thanh tra Chính phủ quy định mẫu trang phục, việc quản lý, sử dụng trang phục thanh tra của thanh tra viên thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước.

**Điều 15. Thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu**

1. Thanh tra viên được Tổng Thanh tra Chính phủ cấp thẻ thanh tra để sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Thẻ thanh tra được cấp sau khi có quyết định bổ nhiệm vào ngạch thanh tra.

Thẻ thanh tra phải thu hồi khi thanh tra viên nghỉ hưu, miễn nhiệm chức danh thanh tra viên.

Tổng Thanh tra Chính phủ quy định mẫu thẻ thanh tra, việc cấp và chế độ quản lý, sử dụng thẻ thanh tra.

2. Phù hiệu, biển hiệu:

a) Phù hiệu, biển hiệu của thanh tra viên là công chức được áp dụng thống nhất do Tổng Thanh tra Chính phủ quy định;

b) Phù hiệu, biển hiệu của thanh tra viên là sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

3. Thanh tra viên có trách nhiệm bảo quản, sử dụng thẻ thanh tra, biển hiệu, phù hiệu trong khi thi hành nhiệm vụ. Nghiêm cấm sử dụng thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu vào mục đích cá nhân. Trường hợp thanh tra viên sử dụng thẻ, phù hiệu, biển hiệu thực hiện hành vi trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 16. Kinh phí may, sắm trang phục thanh tra, thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu**

1. Kinh phí may, sắm trang phục thanh tra, phù hiệu, biển hiệu cho thanh tra viên thuộc cơ quan thanh tra nhà nước cấp nào thì do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm.

2. Kinh phí làm thẻ thanh tra do Thanh tra Chính phủ quản lý và thực hiện.

3. Hàng năm, các cơ quan thanh tra nhà nước căn cứ vào đối tượng được cấp trang phục thanh tra, phù hiệu, biển hiệu, số lượng chủng loại trang phục thanh tra đến niên hạn theo quy định, lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp kinh phí cho việc may, sắm trang phục thanh tra, phù hiệu, biển hiệu và được giao cùng với giao dự toán chi ngân sách hàng năm.

Kinh phí làm thẻ thanh tra để cấp cho thanh tra viên trong các cơ quan thanh tra nhà nước do Thanh tra Chính phủ lập dự toán theo quy định.

Kinh phí may, sắm trang phục thanh tra, làm thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu được cấp ngoài định mức khoán chi hành chính theo biên chế.

**Điều 17. Chế độ, chính sách đối với thanh tra viên**

1. Thanh tra viên là công chức được hưởng các quyền lợi như cán bộ, công chức khác theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; được hưởng lương, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra và các chế độ, chính sách đặc thù khác theo quy định của pháp luật.

2 Thanh tra viên là sỹ quan trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được hưởng chế độ theo quy định đối với lực lượng vũ trang và chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra.

**Điều 18. Trang phục, thẻ công chức, chế độ đối với công chức thanh tra chuyên ngành**

1. Công chức thanh tra chuyên ngành có trang phục, thẻ công chức và được hưởng chế độ bồi dưỡng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chế độ bồi dưỡng đối với công chức thanh tra chuyên ngành.

2. Trang phục và thẻ công chức thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định.

**Điều 19. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra**

Thanh tra Chính phủ quy định nội dung, chương trình, phương thức, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các ngạch thanh tra viên; chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra.

**Chương III**

**ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ VIỆC THAY ĐỔI TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA, THÀNH VIÊN ĐOÀN THANH TRA**

**Điều 20. Thành phần Đoàn thanh tra**

Đoàn thanh tra có Trưởng đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra (nếu cần thiết), thành viên Đoàn thanh tra.

Phó Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm giúp Trưởng đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách một số hoạt động của Đoàn thanh tra khi được Trưởng đoàn thanh tra giao.Các quy định kháccủa Thông tư này đối với thành viên Đoàn thanh tra cũng áp dụng đối với Phó Trưởng đoàn thanh tra, trừ trường hợp có quy định riêng.

Thành viên Đoàn thanhtra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra.

**Điều 21. Đề xuất người tham gia Đoàn thanh tra**

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cuộc thanh tra có trách nhiệm đề xuất người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của cuộc thanh tra làm Trưởng đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra và số lượng người tham gia Đoàn thanh trađể Người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cuộc thanh tra trao đổi, thống nhất với người được dự kiến làm Trưởng đoàn thanh tra về những người được dự kiến là thành viên Đoàn thanh tra. Việc đề xuất Trưởng đoàn, thành viên Đoàn thanh tra phải được thông báo với đơn vị quản lý, sử dụng trực tiếp người được đề xuất, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộvà người được dự kiến làthành viên Đoàn thanh tra.

**Điều 22. Tiêu chuẩn Trưởng đoàn thanh tra**

1. Tiêu chuẩn chung:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm; liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

b) Có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cuộc thanh tra;

c) Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung, lĩnh vực được thanh tra;

d) Có khả năng tổ chức, điều hành, hướng dẫn các thành viên trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Đối với Đoàn thanh tra do Tổng Thanh tra Chính phủ thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính trở lên;

b) Đối với Đoàn thanh tra doBộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh Thanh tra bộ, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp tổng cục và tương đương, cục thuộc bộ, Chánh Thanh tra tỉnh thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từ Phó Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính hoặc tương đương trở lên;

c) Đối với Đoàn thanh tra do Giám đốc sở, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ở cục thuộc tổng cục hoặc tương đương thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từThanh tra viên hoặc tương đươngtrở lên;

d) Đối với Đoàn thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh thanh tra huyện, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ở chi cục thuộc sở, chi cục thuộc cục hoặc tương đương thành lập thì Trưởng đoàn thanh tra phải từThanh tra viên hoặc tương đươngtrở lên.

**Điều 23. Các trường hợp không được tham gia Đoàn thanh tra**

1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được tham gia Đoàn thanh tra:

a) Người có cổ phầntại doanh nghiệp là đối tượng thanh tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra;

c) Người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc bị phạt tù mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật, xóa án tích;

đ)Người không đủ các điều kiện khác để tham gia Đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.

2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm Trưởng đoàn thanh tra:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng, con, anh, chị, em ruột, hoặc anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồnglàm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trìcuộc thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, rà soát để phát hiện các trường hợp không được tham gia Đoàn thanh tra trước khi trình Người ra quyết định thanh tra.

Người được dự kiến là thành viên Đoàn thanh tra thuộc một trong các trường hợp quy định tạikhoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc các trường hợp khác mà nhận thấy có thể không bảo đảm tính khách quan thì phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cuộc thanh tra trước khi Quyết định thanh tra được ban hành.

4. Trong quá trình tiến hành thanh tra, nếu phát hiện có người thuộc một trong cáctrường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2Điều này thì Người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra.

Trong quá trình thanh tra, nếu nhận thấy mình thuộc một trong các trường hợp quy định tạikhoản 1 và khoản 2 Điều này thì thành viên Đoàn thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo để Người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định.

**Điều 24. Thay đổi thành viên Đoàn thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra**

1. Người ra quyết định thanh tra xem xét, thay đổi thành viên Đoàn thanh tra khi thành viên Đoàn thanh tra thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 13 của Luật Thanh tra;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều …của Nghị định này được phát hiện trong quá trình thanh tra;

c) Không chấp hành chế độ thông tin báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Trưởng đoàn thanh tra;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao, không đủ sức khỏe hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Người ra quyết định thanh tra xem xét, thay đổi Trưởng đoàn thanh tra trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và dkhoản 1Điều này;

b) Trưởng đoàn thanh tra không chấp hành chế độ thông tin báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Người ra quyết định thanh tra;

c) Người ra quyết định thanh tra có căn cứ cho rằng Trưởng đoàn thanh tra không đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ thanh tra;

d) Trưởngđoàn thanh tra được giao nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**Điều 25. Trình tự, thủ tục thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra**

1. Thay đổi Trưởng đoàn thanh tra

a) Trong trường hợp thay đổi Trưởng đoàn thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều …của Nghị định này, Người ra quyết định thanh tra yêu cầu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp Trưởng đoàn thanh tra trình văn bản đề nghị thay đổi Trưởng đoàn thanh tra kèm theo dự thảo Quyết định thay đổiTrưởng đoàn thanh tra và các tài liệu có liên quan (nếu có).

Trong trường hợp Trưởng đoàn thanh tra đồng thời là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì cuộc thanh tra thì Người ra quyết định thanh tra yêu cầu Thủ trưởng đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ trình văn bản đề nghị thay đổi Trưởng đoàn thanh tra kèm theo dự thảo Quyết định thay đổi Trưởng đoàn thanh tra;

b) Người ra quyết định thanh tra căn cứ vào văn bản đề nghị và các thông tin khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra xem xét, ban hành quyết định thay đổi Trưởng đoàn thanh tra.

2. Thay đổi thành viên Đoàn thanh tra

a) Trong trường hợp thay đổi thành viên Đoàn thanh tra theo quy định tại khoản 1 Điều … của Nghị định tư này, Trưởng đoàn thanh trathông báo với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp thành viên Đoàn thanh tra và có văn bảnđề nghị Người ra quyết định thanh tra thay đổi thành viên Đoàn thanh tra.

b) Người ra quyết định thanh tra căn cứ vào văn bản đề nghị của Trưởng đoàn thanh tra, kết quả giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra và các thông tin khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra ban hành quyết định thay đổi thành viên Đoàn thanh tra. Trong trường hợp không đồng ý thì Người ra quyết định thanh tra trả lời cho người đề nghị và nêu rõ lý do.

3. Bổ sung thành viên Đoàn thanh tra

Khi xét thấy cần thiết, căn cứ vào yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra trao đổi, thống nhất với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng trực tiếp người được đề xuấtbổ sung vào Đoàn thanh tra,có văn bản đề nghị và dự thảo quyết định bổ sung thành viên Đoàn thanh tra gửi Người ra quyết định thanh tra. Văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do, họ tên, chức danh của người được bổ sung. Trường hợp Người ra quyết định thanh tra không đồng ý với đề nghị bổ sung thành viên Đoàn thanh tra thì trả lời cho người đề nghị và nêu rõ lý do.

4. Quyết định thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thay đổi thành viên Đoàn thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra phải được gửi cho đối tượng thanh tra.

**Chương IV**

**GIÁM ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA**

**Điều 26. Yêu cầu giám định**

1. Khi xét thấy cần có sự đánh giá về nội dung liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận thì Trưởng đoàn thanh tra đề nghị người ra quyết định thanh yêu cầu cơ quan,tổ chức chuyên môn giám định về nội dung đó.

2. Trường hợp người ra quyết định thanh tra đồng ý về việc giám định thì cơ quan thanh tra có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức chuyên môn thực hiện việc giám định.

**Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức chuyên môn**

1. Cơ quan, tổ chức chuyên môn có quyền:

a) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung được yêu cầu giám định;

b) Sử dụng kết quả giám định để đưa ra kết luận giám định;

c) Từ chối thực hiện giám định trong các trường hợp nội dung yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn hoặc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định; thời gian không đủ để thực hiện giám định; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm. Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu giám định, phải thông báo cho cơ quan thanh tra yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Được nhận thù lao giám định theo thỏa thuận.

2. Cơ quan, tổ chức giám định có nghĩa vụ:

a) Thực hiện việc giám định theo đúng nội dung và thời gian theo yêu cầu giám định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan, kịp thời của kết quả giám định;

c) Không được thông báo kết quả giám định cho bên thứ ba.

**Điều 28. Thời gian thực hiện giám định**

1. Thời gian giám định do hai bên thỏa thuận nhưng không quá ½ thời gian tiến hành cuộc thanh tra.

2. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan thanh tra và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.

3. Thời gian thực hiện việc giám định không tính vào thời gian tiến hành thanh tra.

**Điều 29. Kết luận giám định**

1. Kết luận giám định bao gồm các nội dung sau đây:

a) Họ, tên người giám định, tổ chức thực hiện giám định;

b) Tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tư pháp; số văn bản trưng cầu giám định hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

c) Thông tin xác định đối tượng giám định;

d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định;

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Phương pháp thực hiện giám định;

g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo yêu cầu giám định;

h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

2. Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện việc giám định tư pháp thì bản kết luận giám định phải có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định. Trường hợp yêu cầu cơ quan, tổ chức cử người giám định thì bản kết luận giám định phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ, tên của người giám định và có xác nhận chữ ký của cơ quan, tổ chức cử người giám định.

3. Kết luận giám định là căn cứ để Trưởng đoàn thanh tra kết luận về nội dung đã tiến hành giám định.

**Chương V**

**THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN BỊ CHIẾM ĐOẠT, SỬ DỤNG TRÁI PHÉP HOẶC BỊ THẤT THOÁT DO HÀNH VI TRÁI PHÁP LUẬT GÂY RA**

**Điều 30. Quyết định thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra**

1. Người ra quyết định thanh tra quyết định thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra. Quyết định thu hồi ghi rõ số tiền, tài sản phải thu hồi, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian thực hiện.

2. Quyết định thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra quy định tại khoản 1 Điều này được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý tiền, tài sản.

**Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép chấp hành có trách nhiệm chấp hành quyết định của người ra quyết định thanh tra về thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra.

2. Khuyến khích đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động nộp lại tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra.

**Chương VI**

**THANH TRA LẠI**

**Điều 32. Thẩm quyền thanh tra lại**

1. Tổng Thanh tra Chính phủ quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Bộ trưởng kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Thủ tướng Chính phủ giao; quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Chánh Thanh tra Bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng giao.

3. Chánh Thanh tra tỉnh quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Giám đốc sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra huyện kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Chánh Thanh tra sở quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Giám đốc sở giao.

**Điều 33. Căn cứ thanh tra lại**

1. Có vi phạm về trình tự, thủ tục trong tiến hành thanh tra dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc kết luận nội dung thanh tra.

2. Áp dụng sai quy phạm pháp luật; áp dụng sai văn bản quy phạm pháp luật; áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực.

3. Nội dung kết luận thanh tra không căn cứ vào các thông tin, tài liệu, chứng cứ do người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra thu thập được trong quá trình thanh tra dẫn đến kết luận thanh tra không chính xác, khách quan.

4. Người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận trái pháp luật.

5. Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng thanh tra chưa được phát hiện đầy đủ qua thanh tra.

6. Vi phạm về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra.

**Điều 34. Phạm vi và đối tượng của thanh tra lại**

1. Thanh tra lại chỉ xem xét, đánh giá về những nội dung sai phạm,thiếu chính xác, khách quan khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều...của Nghị định này.

2.Đối tượng thanh tra lại gồmcơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng của cuộc thanh tra trước đó và người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có hành vi vi phạm pháp luật

**Điều 35. Quyết định thanh tra lại**

1. Quyết định thanh tra lại bao gồm các nội dung quy định tại Điều 44, Điều 52 của Luật Thanh tra.

2. Chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày ký quyết định, người có thẩm quyền thanh tra lại phải gửi quyết định thanh tra lại cho người đã ký kết luận thanh tra, đối tượng thanh tra lại.

Quyết định thanh tra lại phải được công bố chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày ký và phải được Đoàn thanh tra lập biên bản.

**Điều 36. Thời hiệu thanh tra lại, thời hạn thanh tra lại**

1. Thời hiệu thanh tra lại là 02 năm, kể từ ngày ký kết luận thanh tra.

2. Thời hạn tiến hành thanh tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật Thanh tra.

**Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra lại**

1. Khi tiến hành thanh tra lại, người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều… của Luật Thanh tra.

2. Ngoài các quyền được quy định tại Điều … Luật Thanh tra, người ra quyết định thanh tra lại có quyền tạm đình chỉ việc thi hành kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra liên quan đến nội dung thanh tra lại.

**Điều 38. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra lại**

Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra lại được thực hiện theo quy định tại các Điều...của Nghị định này.

**Điều 39. Báo cáo kết quả thanh tra lại, kết luận thanh tra lại, công khai kết luận thanh tra lại**

1. Báo cáo kết quả thanh tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều …của Luật Thanh tra. Nội dung Báo cáo kết quả thanh tra lại phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiến hành thanh tra, kết luận thanh tra.

2. Kết luận thanh tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Thanh tra. Nội dung kết luận thanh tra lại phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiến hành thanh tra, kết luận thanh tra và kiến nghị biện pháp xử lý.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra lại, người ra quyết định thanh tra lại phải gửi kết luận thanh tra lại cho Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, cơ quan thanh tra nhà nước cấp trên.

3. Việc công khai kết luận thanh tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều ...của Nghị định này.

**Chương VII**

**XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA VÀ**

**TRONG VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA**

**Mục 1**

**XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG THANH TRA VÀ CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓLIÊN QUAN**

**Điều 40. Xử lý hành vi vi phạm của người thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra; người thuộc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có có hành vi vi phạm phải bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm đối với cán bộ; cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đối với công chức; khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc đối với viên chức hoặc truy bị cứu trách nhiệm hình sự,trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luậtkhi có hành vi sau:

a) Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực, chiếm đoạt, thủ tiêu tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra;

b) Chống đối, cản trở, mua chuộc, trả thù, trù dập người làm nhiệm vụ thanh tra, người cung cấp thông tin, tài liệu cho hoạt động thanh tra; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra;

c) Vu cáo, vu khống đối với người làm nhiệm vụ thanh tra;

d) Đưa hối lộ;

đ) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghĩa vụ, trách nhiệm của mình được ghi trong kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Người có các hành vi vi phạm được quy định tại các khoản a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này phải bị nhưng không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử phạt vi phạm hành chính (hú họa) hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 41. Xử lý hành vi vi phạm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra là cán bộ, công chức, viên chức phải bị xử kỷ luật khiển trách khi có hành vi sau:

a) Không chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

b) Không yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý sai phạm hoặc thực hiện quyết định, yêu cầu, kiến nghị của người ban hành kết luận thanh tra;

c) Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Trường hợp gây hậu quả thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người có các hành vi vi phạm được quy định tại các khoản a, b và c khoản 1 Điều này phải bị nhưng không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử phạt vi phạm hành chính (hú họa) hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Mục 2**

**XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH THANH TRA, TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA, THÀNH VIÊN ĐOÀN THANH TRA**

**Điều 42. Xử lý hành vi vi phạm của người ra quyết định thanh tra**

1. Người ra quyết định thanh tra phải bị xử lý kỷ luật khiển trách khi có hành vi sau:

a) Ra quyết định thanh tra không đúng thẩm quyền;

b) Không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Không yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý sai phạm của đối tượng thanh tra;

d) Thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người ra quyết định thanh tra phải bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm đối với cán bộ; cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đối với công chức hoặc truy bị cứu trách nhiệm hình sự,trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật khi có hành vi sau:

a) Ra quyết định thanh tra vượt quá thẩm quyền;

b) Bao che cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Làm sai lệch hồ sơ thanh tra nhằm kết luận sai sự thật;

d) Chỉ đạo, tác động trái pháp luật vào hoạt động của Đoàn thanh tra;

đ) Cố ý kết luận sai sự thật, quyết định, xử lý trái pháp luật;

e) Không kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhẹ hơn so với mức độ vi phạm;

g) Nhận hối lộ.

**Điều 43. Xử lý hành vi vi phạm của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra**

1. Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra phải bị xử lý kỷ tuật khiển trách khi không thực hiện đúng nhiệm vụ được người ra quyết định thanh tra hoặc Trưởng đoàn thanh tra phân công.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra phải bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật khi có các hành vi sau:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra;

b) Thanh tra vượt quá thẩm quyền, phạm vi, nội dung trong quyết định thanh tra;

c) Làm sai lệch hồ sơ thanh tra, giả mạo, sửa chữa, tiêu hủy tài liệu, chứng cứ nhằm kết luận, báo cáo sai sự thật;

1. Bao che cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật;

đ) Tiết lộ thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra khi chưa có kết luận chính thức;

e) Cố ý không phát hiện hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật nhưng kết luận, báo cáo người ra quyết định thanh tra với mức độ nhẹ hơn so với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm;

g) Nhận hối lộ, môi giới hối lộ.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 44. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022

**Điều 45. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, TCCV (5b) | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG     Phạm Minh Chính** |